

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07-7-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương
2. Ông Phạm Quốc Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Nhà trọ 73, đội II R, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

Bị đơn: Anh Lê Tấn V, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Chị M và anh Lê Tấn V quen biết, tìm hiểu và về chung sống với nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn, cả hai chung sống với nhau tại đội II R, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sau khi về chung sống với nhau thì anh V thường xuyên bài bạc, đá gà, không lo kinh tế cho gia đình. Chị M đã nói nhiều lần nhưng anh V không thay đổi mà vẫn bài bạc dẫn đến nợ nần. Anh V còn dọa chết, dọa giết chị M. Chị M thấy cả hai không hợp nhau, bản thân chị M còn 03 người con riêng phải nuôi dưỡng nên không thể suốt ngày lo trả nợ thay cho anh V. Từ khi xảy ra mâu thuẫn thì anh V đã bỏ về ở với bố mẹ đẻ của anh V tại xã T,

huyện H, tỉnh Bình Phước cho đến nay. Vì vậy chị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh V.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có vay nợ của ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2020, bị đơn anh Lê Tấn V trình bày:

Anh V và chị M tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2017 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Sống chung với nhau được hơn 01 năm thì do anh V bị bệnh nên sống với bố mẹ đẻ tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước còn chị M vẫn sống tại Bình Dương không chịu về chung sống với anh V. Hai vợ chồng không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị M yêu cầu ly hôn thì anh V đồng ý.

Về con chung: Hai vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị ghi nhận thuận tình ly hôn giữa anh V và chị M. Con chung, tài sản chung, nợ chung không có không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Tuyết M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Tấn V cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Anh V, chị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt anh V, chị M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết M thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án thấy rằng: Anh V và chị M tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2017. Tuy các bên không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng xét thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, cả hai vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay, không quan tâm đến nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị M yêu cầu ly hôn và anh V đồng ý. Đây là sự tự nguyện của các bên nên cần ghi nhận.

Về con chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Nợ chung: Đương sự đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M.

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Lê Tấn V

Giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 19/10/2017 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Mai đã nộp theo

biên lai thu tạm ứng án phí số 0001853 ngày 28/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện H;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải